

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-PT

Ngày: 16/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy, ông Phạm Anh Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 190/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Bùi Thị H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2023/HS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo kháng cáo:

1. **Bùi Thị H**, sinh năm 1980 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị N; có chồng và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Phạm Văn K**, sinh năm 1994 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K1 và bà Nguyễn Thị L; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ 17/7/2023.

Vụ án còn có 03 bị cáo khác không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn H1 và Bùi Thị H, chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Năm 2019, H1 và H thành lập Công ty cổ phần T7, địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương (gọi tắt là công ty

T7); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần M: 0801284120, do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh H cấp lần đầu ngày 01/4/2019; ngành nghề kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. H1 là Giám đốc, H là Phó giám đốc trực tiếp điều hành hoạt động của công ty. Ngoài ra còn có chị Bùi Thị H2, sinh năm 1987 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1959, cùng trú tại thôn Q, xã Đ, huyện G là cổ đông sáng lập công ty.

Năm 2020, H1 thuê nhà xưởng của ông Phạm Lương T1, sinh năm 1955, ở thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương làm địa điểm kinh doanh, nhập các bình gas loại 45kg và 12kg của Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) kinh doanh dầu khí V3, có địa chỉ tại: thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương, Công ty TNHH H, có địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Công ty cổ phần K6 - Chi nhánh D2, có địa chỉ tại khu công nghiệp H, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định, Công ty TNHH MTV G, có địa chỉ tại số I ngõ A N, phường N, quận B, thành phố Hà Nội để bán ra thị trường.

Do giá gas nhãn hiệu Vinashin rẻ hơn giá gas của các hãng gas khác nên khoảng tháng 03/2022, H1 và H bàn bạc thống nhất mua bình gas loại 45kg nhãn hiệu Vinashin của Công ty V để san chiết sang các bình gas loại 12kg của các nhãn hiệu PETROLIMEX, HONG HA, HOA LU PETROL, VENUS, SELLAN... có giá bán cao hơn để bán kiếm lời. Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2022 đến tháng 05/2022, H tìm kiếm trên mạng xã hội đặt mua máy nén khí, niêm màng co, tem chống hàng giả của nhiều nhãn hiệu gas để phục vụ việc sản xuất gas giả. H thuê Bùi Văn Đ và Nguyễn Văn D, sinh năm 1984, trú tại: Thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương thực hiện việc san chiết gas và lái xe ô tô chở gas đi bán, giao cho các đại lý với mức lương là 10.000.000đồng/01 người/01tháng và được ký hợp đồng lao động. Đầu tháng 05/2022, khi có nhiều đơn hàng, H thuê thêm Phạm Văn K và Phạm Văn K2, sinh năm 1993, trú tại thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương san chiết gas và đi giao gas cho các đại lý trong và ngoài tỉnh. K và K2 được trả lương là 300.000đồng/01 người/01ngày và không được ký hợp đồng lao động. Khi những đại lý có nhu cầu mua gas sẽ liên lạc trực tiếp với H1 hoặc H hoặc thông qua Đ để báo số lượng bình gas cần mua. Căn cứ số lượng gas của các đại lý cần mua, H1, H sẽ thông tin cho D, Đ, K, K2 tiến hành san chiết và giao gas bán cho các đại lý. Tuỳ thỏa thuận với từng đại lý mà số bình gas sau khi san chiết xong có thể dán hoặc không dán niêm màng co, tem chống hàng giả. Đối với những bình gas không dán, H1, H sẽ giao kèm theo niêm màng co và tem chống hàng giả cho các đại lý tự dán vào bình gas đã mua của H1, H rồi bán ra thị trường. Đối với các đại lý ở tỉnh Hải Dương mua gas với số lượng ít, sau khi san chiết gas, H chỉ đạo công nhân dán niêm màng co giả, tem chống hàng giả rồi trà trộn với các bình gas thật bán ra thị trường.

Ngày 25/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã tiến hành kiểm tra, phát hiện tại xưởng của công ty T7 đang có hoạt động san chiết gas trái phép và tiến hành lập biên bản thu giữ vật chứng gồm: 01 xe ô tô mang BKS số 19H-002.88, nhãn hiệu Foton, màu sơn xanh; 01 máy nén khí; 03 chiếc cân bàn, 01 chiếc cân điện tử; 01 máy sấy (khò) màu xanh, trên thân máy có chữ Talon; 04

LPG chai loại 45kg gồm: 01 LPG chai có nhãn hiệu Pacific, 03 LPG chai nhãn hiệu Vinashin Gas; 03 LPG chai loại 12kg gồm: 01 LPG chai nhãn hiệu Petrolimex; 01 LPG chai nhãn hiệu Venus; 01 LPG chai nhãn hiệu Sunflame; 20 niêm màng co nhãn hiệu HoaLư Petro; 38 niêm màng co nhãn hiệu Venus Petrol; 06 tem chống hàng giả in logo nhãn hiệu Venus Gas; 113 niêm màng co nhãn hiệu Petrolimex, trong đó có: 97 niêm màng co kích thước lớn và 16 niêm màng co kích thước nhỏ; 158 tem chống hàng giả in logo nhãn hiệu Petrolimex; 30 niêm màng co nhãn hiệu Petro VietNam LPG; 76 tem chống hàng giả in logo nhãn hiệu Petrol VietNam LPG; 46 niêm màng co nhãn hiệu Siam Gas, trong đó có: 37 niêm màng co kích thước nhỏ và 09 niêm màng co kích thước lớn; 168 tem chống hàng giả in logo nhãn hiệu Siam Gas; 144 niêm màng co nhãn hiệu HongHa Gas; 42 tem chống hàng giả in logo nhãn hiệu G1; 96 niêm màng co nhãn hiệu Total trong đó có: 59 niêm màng co kích thước lớn và 37 niêm màng co kích thước nhỏ; 131 tem chống hàng giả in logo nhãn hiệu Toal Gas; 37 niêm màng co nhãn hiệu Gia Đình Gas; 363 tem chống hàng giả nhãn hiệu Gia Đình G.

Ngày 09/12/2022, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện G định giá đối với các bình gas giả thu giữ và xác định giá trị hàng hoá tại thời điểm tháng 05/2022 như sau: Bình gas loại 12kg có chụp niêm màng co, nhãn hiệu HoaLư Petrol, đơn giá 375.000 đồng; B gas loại 12kg có chụp niêm màng co, nhãn hiệu Petrol VietNam Gas, đơn giá 440.508 đồng; B gas loại 12kg có chụp niêm màng co, nhãn hiệu Petrolimex, đơn giá 486.000 đồng; B gas loại 12kg có chụp niêm màng co, nhãn hiệu Sellan, đơn giá 279.600 đồng; B gas loại 12kg có chụp niêm màng co, nhãn hiệu Siam, đơn giá 469.227 đồng; B gas loại 12kg có chụp niêm màng co, nhãn hiệu Thăng Long Petrol, đơn giá 286.572 đồng; B gas loại 12kg có chụp niêm màng co, nhãn hiệu Venus, đơn giá 279.600 đồng; B gas loại 12kg có chụp niêm màng co, nhãn hiệu Hồng Hà gas, đơn giá 321.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định khoảng từ đầu tháng 05/2022 đến ngày 25/5/2022, H1, H đã chỉ đạo D, Đ, K, K2 tiến hành sản xuất, sản xuất gas giả để bán, vận chuyển cho các đại lý trong và ngoài tỉnh Hải Dương. Thủ đoạn của H1, H là trộn các bình gas giả với các bình gas thật của các công ty rồi bán cho các đại lý cụ thể như sau:

1. Bán gas cho Phạm Văn Đ1

Phạm Văn Đ1, sinh năm 1989, địa chỉ số F, Nguyễn Công T2, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Hoán và Đ1 quen nhau từ trước thông qua hoạt động kinh doanh gas. Đ1 thường xuyên mua gas của H1, loại bình gas 12kg không dán tem chống hàng giả và chụp niêm màng co, là gas giả. Khoảng 09 giờ ngày 17/5/2022, Đ1 gọi điện cho H1 để mua gas nhưng không gọi được. Đ1 gọi điện nhờ Bùi Văn Đ bảo H1 bán cho Đ1 122 bình gas với nhiều nhãn hiệu khác nhau. Đ thông báo lại cho H1 và H biết. H bảo Đ gọi điện cho Đ1 báo giá gas là 355.000 đồng/1 bình 12 kg. Đ1 đồng ý mua. H1 bảo H cho người đến bãi của Lê

Ngọc V, sinh năm 1977, ở thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên, cũng là người kinh doanh gas tại Hưng Yên để san chiết gas. H gọi điện cho V để mua gas. H đưa cho Đ 01 túi nilon bên trong đựng các niêm màng co và tem chống hàng giả (không rõ số lượng cụ thể) để chuyển cho Đ1 và bảo Đ chuyển 122 vỏ bình gas từ kho của công ty lên xe BKS 19H-00.288 (ô tô do *Hoán thuê của Trần Văn T3, sinh năm 1988, ở khu Đ, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ*) đến gặp V để san chiết gas và mua gas. H đưa cho Đ 39.040.000 đồng để trả tiền gas cho V. Chiều cùng ngày, Đ rủ Lã Xuân S, sinh năm 2002, trú tại B H, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (*là con trai của H*) đi cùng, rồi điều khiển xe ô tô đến bãi cát của V ở xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên để san chiết gas. Khi đến nơi, Đ đưa 39.040.000 đồng cho Phạm Thị H3, sinh năm 1982 (*là vợ của V*), ở thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Tại đây có 02 thanh niên san chiết ga từ bồn vào 122 bình gas loại 12kg. Khi san chiết xong, Đ lái xe chở gas cùng S đi đến đường N, phường N, tỉnh Ninh Bình để bán gas cho Đ1. Tại đây, Đ giao gas và đưa túi đựng niêm màng co, tem chống hàng giả cho Đ1. Đồng trả 25.000.000 đồng cho Đ. Ngày 21/5/2022 Đ1 chuyển khoản cho Đ số tiền còn lại là 18.300.000 đồng. Cùng ngày, Đ chuyển số tiền trên vào số tài khoản 105871506610 của H mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần C3 chi nhánh khu công nghiệp H- Phòng G2 (*gọi tắt tài là tài khoản của H*). Sau khi nhận gas, Đ dán niêm màng co, tem chống hàng giả bán ra thị trường 58 bình (*dán nhiều nhãn hiệu khác nhau, Đ1 không nhớ bán cho ai*). Ngày 26/5/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện G thu giữ 64 bình gas loại 12kg đều không được chụp niêm màng co, không dán tem chống hàng giả, gồm: 40 bình gas nhãn hiệu NB P4; 07 bình gas nhãn hiệu Petro Hong Ha; 06 bình gas nhãn hiệu Venus; 06 bình gas nhãn hiệu HL Petrol; 01 bình gas nhãn hiệu ThăngLong Gas; 02 LPG bình nhãn hiệu Petro Vietnam; 01 bình LPG nhãn hiệu Sellan; 01 bình gas nhãn hiệu Đại Lộc Gas; thu giữ 68 niêm màng co nhãn hiệu Gas Venus; 14 niêm màng co nhãn hiệu Hong Ha Gas; 10 niêm màng co nhãn hiệu Siam; 09 tem chống hàng giả nhãn hiệu Siam Gas.

Tại Bản kết luận giám định số 4286/KL-KTHS ngày 17/10/2022 của V4 Bộ C4 (*gọi tắt là kết luận giám định số 4286*), kết luận: Toàn bộ số niêm màng co và tem chống hàng giả thu giữ tại nhà Phạm Văn Đ1 đều là giả.

Như vậy, Đ1 đã dán niêm màng co, tem chống hàng giả bán ra thị trường 58 bình gas giả với nhiều nhãn hiệu khác nhau, không nhớ số lượng cụ thể của từng nhãn hiệu, nên tính theo hướng có lợi, áp dụng giá gas thấp nhất tại thời điểm tháng 05/2022 là 279.600 đồng/01 bình gas để tính hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là $58 \times 279.600 \text{ đồng} = 16.216.800 \text{ đồng}$. Ngoài ra, còn có căn cứ xác định: 07 chai LPG nhãn hiệu Petrol Hồng Hà và 06 chai LPG nhãn hiệu Venus là giả, do thu giữ được niêm màng co giả, khi bán mới dán niêm màng co vào chai gas; hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là $07 \times 321.000 \text{ đồng} + 06 \times 279.600 \text{ đồng} = 3.924.600 \text{ đồng}$. Như vậy, H1, H, Đ đã sản xuất, buôn bán với Đ1 71 bình gas là hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 20.141.400 đồng.

2. Bán gas cho Đình Văn N1

Qua bạn bè giới thiệu, N1 biết H1 san chiết gas trái phép là gas giả nên hỏi mua gas của H1 để bán nhằm thu lời cao. N1 thu gom các bình gas nhãn hiệu HoaLư Petrol sau đó chuyển cho H1 để san chiết. San chiết xong, H1 cho người làm thuê chở đến cho N1. Ngày 22/5/2022, N1 gọi điện cho H1 đặt mua 200 bình gas nhãn hiệu HoaLư Petrol với giá 355.000 đồng/1 bình. Hoán đồng ý. Sau đó, H1 thông báo cho H biết việc N1 mua gas để H chỉ đạo công nhân san chiết gas và chuyển bán cho N1. H gọi điện cho V để mua gas và san chiết gas. Sáng ngày 24/5/2022, H đưa cho Đ và K 200 niêm màng co nhãn hiệu HoaLư Petrol giả để giao cho N1. Cả hai điều khiển xe ô tô 19H-002.88 đến nhà N1 ở Xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nhận 200 vỏ bình gas nhãn hiệu HoaLư Petrol để mang đến tỉnh Hưng Yên gặp V để san chiết ga vào các bình sau đó chở đến tỉnh Ninh Bình giao gas cho N1. Khi Đ và K đến bãi cát nhà Văn có 02 nam thanh niên không quen biết san chiết ga từ bồn vào 200 bình gas 12kg. San chiết xong, Đ và K chở gas giao cho N1. Sau khi nhận gas, N1 chuyển trả 71.000.000 đồng vào tài khoản cho H. Sau khi mua gas, ngày 25/5/2022, N1 cùng con trai là Đinh Việt H4, sinh năm 2007, ở cùng địa chỉ, chụp niêm màng co vào 70 bình gas nhãn hiệu HoaLư Petrol. Sau đó, N1 bán 10 bình gas cho anh Phạm Văn K3, sinh năm 1978, địa chỉ: Xóm C, K, Y, Ninh Bình. Anh K3 đã bán 04 bình gas (*không nhớ bán cho ai*), Cơ quan điều tra đã quản lý của anh K3 06 bình gas; N1 bán 07 bình cho anh Đào Mạnh Cường, sinh năm 1969, địa chỉ: Xóm I, K, Y, Ninh Bình. Anh C đã bán 02 bình gas (*không nhớ bán cho ai*), Cơ quan điều tra đã quản lý của anh C 05 bình gas; N1 bán 08 bình gas cho chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1980, địa chỉ: Xóm C, K, Y, Ninh Bình. Chị L1 đã bán 03 bình gas (*không nhớ bán cho ai*), Cơ quan điều tra đã quản lý của chị L1 05 bình gas.

Tại kết luận giám định số 4286 kết luận: Toàn bộ niêm màng co chụp trên các bình gas thu giữ của Đào Mạnh C1, Phạm Văn K3 đều là giả; số niêm màng co chụp trên các bình gas thu giữ tại nhà chị Nguyễn Thị L1 không đủ căn cứ giám định.

Ngày 26/5/2022, kiểm tra nhà ở của N1, Cơ quan điều tra đã quản lý 130 bình gas loại 12kg nhãn hiệu HoaLư Petrol không được chụp niêm màng co, không dán tem chống hàng giả; quản lý 130 niêm màng co nhãn hiệu HoaLư Petrol; 01 ấm (siêu) đun nước để chụp niêm màng co. Tại kết luận giám định số 4286 kết luận 130 niêm màng co đều là giả.

Như vậy, ngay từ đầu toàn bộ 200 bình gas san chiết nhãn hiệu HoaLư P, N1 mua của H1, H đều là gas giả. N1 đã bán 70 bình, còn lại 130 bình bị thu giữ chưa được dán niêm màng co để bán ra thị trường là do bị cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ. Trường hợp chưa bị phát hiện sẽ tiếp tục dán niêm màng co và bán ra thị trường. Vì vậy, H1, H, Đ, K đã sản xuất, buôn bán với N1 hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật tại thời điểm tháng 05/2022 trị giá là: 200 bình gas HoaLư x 375.000 đồng = 75.000.000 đồng.

3. Bán gas cho ông Trương Thế D1

Ông Trương Thế D1, sinh năm 1964, trú tại: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh Hải Dương. Khoảng đầu tháng 05/2022, ông D1 gọi điện cho H1 hỏi mua 20 bình gas nhãn hiệu Sellan, loại bình 12kg. Hoán đồng ý. Hoán báo lại H, H cho công nhân trộn các bình gas san chiết tại công ty T7 là gas giả vào cùng các bình gas công ty (*không rõ số lượng cụ thể các bình gas giả*) để bán cho ông D1 với giá 365.000 đồng/1 bình, tổng số tiền 7.300.000 đồng. D và K2 chuyển gas đến cho ông D1 bằng ô tô BKS: 19H-00.288. Ông D1 thanh toán trực tiếp số tiền đã mua gas cho D. Việc mua bán không có hóa đơn, hợp đồng mua bán. Các bình gas đều được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả. Ông D1 không biết các bình gas đã mua là gas giả. Thời điểm tháng 05/2022 ông D1 chỉ nhập gas của H1. Ông D1 bán cho người tiêu dùng 19 bình gas (*không nhớ bán cho ai*). Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bình gas loại 12kg, nhãn hiệu Sellan Gas. Tại kết luận giám định số 4286 kết luận: Không đủ căn cứ kết luận. Do không xác định được số lượng cụ thể các bình gas giả công ty T7 đã bán cho ông D1 và 01 bình gas thu giữ không đủ căn cứ kết luận nên chưa đủ căn cứ xác định trị giá tương đương hàng thật mà công ty T7 đã bán cho ông D1.

4. Bán gas cho anh Phạm Văn Công

Anh Phạm Văn C2, sinh năm 1979, trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương. Khoảng đầu tháng 05/2022, anh C2 mua của H 15 bình gas, loại 12kg nhãn hiệu Venus. H để lẫn gas giả và gas của công ty bán cho anh C2 với giá 355.000đ/1bình, tổng số tiền là 5.325.000đồng. D và K2 chuyển gas đến cho anh Công bằng ô tô BKS: 19H-00.288, anh C2 trả tiền đưa cho D, việc mua bán không có hóa đơn, hợp đồng mua bán. Các bình gas mà D và K2 chở đến đều được chụp niêm mang co dán tem chống hàng giả. Anh C2 không biết các bình gas đã mua là gas giả. Thời điểm tháng 05/2022, anh C2 chỉ nhập gas của H về để phục vụ việc đi nấu cỗ. Anh C2 đã sử dụng hết 13 bình gas. Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 bình gas nhãn hiệu Venus loại 12kg được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả. Tại kết luận giám định số 4286 kết luận: Niêm màng co, tem chống hàng giả đều là giả. Như vậy, H1, H, D, K2 đã sản xuất, buôn bán gas giả cho anh C2 tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 02 bình gas Venus x 279.600 đồng = 559.200 đồng.

5. Bán gas cho ông Nguyễn Thành T4

Ông Nguyễn Thành T4, sinh năm 1970, trú tại số nhà C phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ngày 17/5/2022, ông T4 mua của H mua 40 bình gas loại 12kg gồm: 20 bình nhãn hiệu Petrolimex, 19 bình nhãn hiệu Venus và lẫn 01 bình nhãn hiệu Petro VietNam. H thông tin cho ông T4 biết các bình gas nhãn hiệu Petrolimex là gas giả, giá rẻ hơn thực tế khoảng 30.000 đồng/01 bình. Ông T4 đồng ý mua. H bán cho ông T4 với giá 350.000đ/1bình Venus và 360.000đ/1bình P, tổng số tiền là 14.200.000 đồng. D và K2 chuyển gas đến cho ông T4 bằng ô tô BKS: 19H-00.288. Ông T4 nhận gas và trả tiền mua gas cho D, không có hóa đơn, hợp đồng mua bán. Các bình gas mà D và K2 chở đến đều được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả. Thời điểm tháng 05/2022 ông T4 chủ yếu nhập gas của H, nếu H không có gas thì ông T4 mới nhập của

Công ty G. Tại thời điểm phát hiện, tại cửa hàng của ông T4 chỉ có các bình gas của công ty T7 bán. Ông T4 bán cho người tiêu dùng 17 bình gas (*không nhớ bán cho ai*). Cơ quan điều tra đã thu giữ 23 bình gas loại 12kg gồm: 15 bình nhãn hiệu Petrolimex; 01 bình nhãn hiệu Petro VietNam; 07 bình nhãn hiệu Venus đều được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả.

Tại kết luận giám định số 4286 kết luận: Niêm màng co, tem chống hàng giả của 15 bình gas nhãn hiệu Petrolimex là giả; 01 bình gas nhãn hiệu Petro VietNam là giả; 07 bình gas nhãn hiệu Venus có 05 bình là giả, 02 bình không đủ căn cứ kết luận. Ngoài ra trong thời điểm này, H1, H không nhập gas nhãn hiệu Petrolimex từ công ty nên xác định toàn bộ 20 bình gas nhãn hiệu P5, H1, H đã bán cho ông T4 đều là giả.

Số lượng hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 20 bình Petrolimex x 486.000 đồng = 9.720.000 đồng; 01 bình Petro VietNam x 440.508 đồng = 440.508 đồng; 05 bình Venus x 279.600 đồng = 1.398.000 đồng. Như vậy, H1, H, D, K2 đã sản xuất, buôn bán 26 bình gas giả cho ông T4 tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 11.558.508 đồng.

6. Bán gas cho ông Nguyễn Bá K4

Ông Nguyễn Bá K4, sinh năm 1959, trú tại: Thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ông P1 có ký hợp đồng mua bán gas với Công ty T7. Ngày 20/5/2022, ông K4 liên hệ với H mua 24 bình gas loại 12kg nhãn hiệu Venus và S1 (*không nhớ số lượng cụ thể từng loại*). H đồng ý. H cho công nhân trộn các bình gas giả vào cùng các bình gas công ty (*không rõ số lượng cụ thể các bình gas giả*) bán cho ông K4 với giá 350.000đ/1 bình, tổng số tiền là 8.400.000 đồng. D và K2 chuyển số bình gas trên đến cho ông K4 bằng ô tô 19H-00.288. Ông K4 thanh toán trực tiếp số tiền mua gas cho D. Việc mua bán không có hóa đơn. Các bình gas mà D và K2 trở đến đều được chụp niêm mang co dán tem chống hàng giả. Ông K4 không biết công ty T7 bán gas cho ông có loại gas giả. Tháng 05/2022 ông K4 chủ yếu nhập gas của H, trường hợp H không có gas bán thì ông K4 sẽ mua gas của Công ty TNHH T. Tại thời điểm phát hiện, tại cửa hàng của ông K4 chỉ có các bình gas do công ty T7 bán. Ông K4 bán cho người tiêu dùng 18 bình gas (*không nhớ bán cho ai*). Cơ quan điều tra đã thu giữ 06 bình gas loại 12kg, gồm: 04 bình gas nhãn hiệu Sellan, 02 bình gas nhãn hiệu Venus, đều được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả. Tại kết luận giám định số 4286 kết luận: Niêm màng co, tem chống hàng giả của 04 bình gas nhãn hiệu Sellan là giả; 02 bình gas nhãn hiệu Venus không đủ căn cứ kết luận.

Như vậy, H1, H, D, K2 đã sản xuất, buôn bán 04 bình gas giả cho ông K4 tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 04 bình gas Sellan x 279.600 đồng = 1.118.400 đồng.

7. Bán gas cho ông Trần Đức H5

Ông Trần Đức H5, sinh năm 1963, trú tại: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Ngày 20/5/2022, ông H5 liên hệ với H mua 08 bình gas loại 12kg nhãn hiệu Venus và S2 và Thăng L2 (*không nhớ số lượng cụ thể của từng nhãn*

hiệu). H đồng ý. H cho công nhân trộn các bình gas giả vào cùng các bình gas công ty (không rõ số lượng cụ thể các bình gas giả) để bán cho ông H5 với giá 370.000đ/01bình, tổng số tiền là 2.960.000đồng. D và K2 chuyển gas đến cho ông H5 bằng ô tô 19H-00.288. Ông H5 đã thanh toán trực tiếp số tiền đã mua gas cho D, không có hóa đơn, hợp đồng mua bán. Các bình gas mà D và K2 chở đến đều được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả. Ông H5 không biết công ty T7 bán gas cho ông có loại gas giả. Tháng 05/2022 ông H5 chỉ nhập gas của công ty T7. Tại thời điểm phát hiện, tại cửa hàng của ông H5 chỉ có các bình gas do công ty T7 bán. Ông H5 đã bán cho người tiêu dùng 04 bình gas (không nhớ bán cho ai). Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 bình gas loại 12kg, gồm: 02 bình gas nhãn hiệu Siam; 01 bình gas nhãn hiệu Thăng Long gas; 01 bình gas nhãn hiệu Venus đều được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả. Tại kết luận giám định số 4286 xác định: Toàn bộ niêm màng co, tem chống hàng giả thu giữ tại nhà ông H5 là giả.

Số lượng hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 02 bình Siam x 469.227 đồng = 938.454 đồng; 01 bình Thăng Long Petrol x 286.572 đồng = 286.572 đồng; 01 bình Venus x 279.600 đồng = 279.600 đồng. Như vậy, H1, H, D, K2 đã sản xuất, buôn bán 04 bình gas giả cho ông H5 tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 1.504.626 đồng.

8. Bán gas cho bà Phạm Thị Thu

Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1967, trú tại Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Ngày 21/5/2022, bà T5 có liên hệ trực tiếp với H để mua 20 bình gas loại 12kg nhãn hiệu Venus và S1 (không nhớ số lượng cụ thể của từng nhãn hiệu). H đồng ý. H cho công nhân trộn các bình gas giả vào cùng các bình gas công ty (không rõ số lượng cụ thể các bình gas giả) bán cho bà T5 với giá 350.000đ/ 1 bình, tổng số tiền là 7.000.000 đồng. D và K2 chuyển gas đến cho bà T5 bằng ô tô 19H-00.288. Bà Thu nhận gas và thanh toán trực tiếp số tiền mua gas cho D. Việc mua bán không có hóa đơn, hợp đồng. Các bình gas mà D và K2 chở đến bán cho bà T5 đều được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả. Bà T5 không biết công ty T7 bán gas cho bà có loại gas giả. Thời điểm tháng 05/2022 bà T5 chủ yếu nhập gas của Công ty TNHH G - Chi nhánh H8. Do công ty này không cung cấp được gas, thấy ông H5 thường mua gas của H, nên bà T5 có liên hệ với H để mua gas. Tại thời điểm phát hiện, tại cửa hàng của bà T5 chỉ có các bình gas do công ty T7 bán. Bà T5 bán cho người tiêu dùng 07 bình gas (không nhớ bán cho ai). Cơ quan điều tra đã thu giữ 13 bình gas loại 12kg, gồm: 02 bình gas nhãn hiệu Sellan; 11 bình gas nhãn hiệu Venus đều được chụp niêm màng co, dán tem chống hàng giả. Tại kết luận giám định số 4286 kết luận: Toàn bộ niêm màng co, tem chống hàng giả thu giữ tại nhà bà T5 là giả.

Số lượng hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 02 bình Sellan x 279.600 đồng = 559.200 đồng; 11 bình Venus x 279.600 đồng = 3.075.600 đồng. Như vậy, H1, H, D, K2 đã sản xuất, buôn bán 13 bình gas giả cho bà T5 tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là: 3.634.800 đồng.

Ngoài những hàng vi bán gas trên, Hoán H6 còn khai nhận: Ngày 23/5/2022, anh V có liên hệ với H1 để mua 50 vỏ bình gas nhãn hiệu Petro H. H1 đã bảo với H6 và H6 đồng ý bán cho anh V 50 vỏ bình gas nhãn hiệu Petro H với giá 200.000đ/1vỏ, tổng số tiền 10.000.000đ. Chị H3 (vợ anh V) đã thanh toán trực tiếp cho H6. Sau đó H6 bảo Đ và K xếp vỏ bình gas từ kho của công ty lên xe ô tô BKS: 19H-00.288 chuyển cho anh V. Tối ngày 24/5/2022, Đ và K được chị H3 nhờ vận chuyển 50 bình gas san chiết bán cho chị Dương Thị T6, sinh năm 1994, trú tại: Thôn X, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Chị T6 đã thanh toán trực tiếp cho chị H3 số tiền 26.150.000 đồng. Các bình gas mà Đ và K chở đến cho chị T6 đều không được chụp niêm màng co và dán tem chống hàng giả. Chị T6 biết đây là gas san chiết, gas kém chất lượng. Chị T6 đã bán ra ngoài thị trường 04 bình gas. Cơ quan điều tra Công an huyện G đã tiến hành thu giữ 46 bình nhãn hiệu Petro Hồng Hà, loại bình 12kg đều chưa được chụp niêm màng co.

Tại Kết luận giám định số 2029/KL-KTHS ngày 10/5/2023, V4 Bộ C4, kết luận: Toàn bộ số niêm màng co, tem chống hàng giả gửi giám định thu giữ tại xưởng san chiết của H1 và H6, đều là giả.

Tại Chứng thư giám định về số lượng, khối lượng và chủng loại của Công ty V kết luận đối với những bình gas đã thu giữ như sau:

- Số bình gas thu giữ tại công ty T7 chỉ có 01 bình nhãn hiệu Venus, loại 12kg chứa khí LPG, khối lượng tịnh của hàng trong bình là 11,8kg. Hàng trong bình có các chỉ tiêu, chất lượng KHÔNG phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN; KHÔNG tương đương với Tiêu chuẩn cơ sở của các hãng Venus P2;

- Số bình gas thu giữ của Đinh Văn N1: 130 bình gas nhãn hiệu Hoa Lư Petrol có khối lượng tịnh của hàng trong 130 bình là: 1.520,4 kg. Hàng trong vỏ bình có các chỉ tiêu chất lượng phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN. Không có tiêu chuẩn cơ sở của hãng nên không so sánh được.

- Số bình gas thu giữ của Phạm Văn Đ1 là 64 bình gas gồm: 40 bình NB Petrol; 07 bình P6; 06 bình Venus; 06 bình HL Petrol; 01 bình Thăng Long Gas; 02 bình Petrol Vietnam; 01 bình Sellan; 01 bình Đ. Khối lượng tịnh của hàng trong 64 bình: 643,9 kg. Trong đó: Hàng trong vỏ bình là Venus P2, Petro V1, Sellan G có các chỉ tiêu chất lượng KHÔNG phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN; KHÔNG tương đương với Tiêu chuẩn cơ sở của các hãng.

- Số bình gas thu giữ của ông Nguyễn Thành T4 là 23 bình gas gồm: 15 bình Petrolimex, 07 bình Venus, 01 bình Petro Vietnam. Khối lượng tịnh của hàng trong 23 bình: 270,4 kg. Trong đó: Hàng trong vỏ bình là Venus Petro, Petro V1 có các chỉ tiêu chất lượng KHÔNG phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN; Hàng trong vỏ bình là P3, Venus P2, P có chỉ tiêu chất lượng KHÔNG tương đương với Tiêu chuẩn cơ sở của hãng.

- Số bình gas thu giữ của bà Phạm Thị T5 là 06 bình gas gồm: 04 bình Sellan, 02 bình Venus. Khối lượng tịnh của hàng trong 06 bình: 69,8 kg. Hàng

trong các bình gas có các chỉ tiêu chất lượng KHÔNG phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN; KHÔNG tương đương với Tiêu chuẩn cơ sở của hãng.

- Số bình gas thu giữ của ông Trương Thế D1 là 01 bình gas, nhãn hiệu Sellan, khối lượng tịnh của hàng trong 01 bình: 11,8 kg. Hàng trong bình gas chất lượng KHÔNG phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN; KHÔNG tương đương với Tiêu chuẩn cơ sở của các hãng Sellan G.

- Số bình gas thu giữ của ông Phạm Văn C2 là 02 bình gas, nhãn hiệu Venus, khối lượng tịnh của hàng trong 02 bình: 23,7 kg. Hàng trong bình gas chất lượng KHÔNG phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN; KHÔNG tương đương với Tiêu chuẩn cơ sở của hãng.

- Số bình gas thu giữ của ông Trần Đức H5 là 04 bình gas gồm: 02 bình Siam, 01 bình Venus, 01 bình Thăng Long P. Khối lượng tịnh của hàng trong 04 bình: 47 kg. Trong đó: Hàng trong bình Venus Petro KHÔNG phù hợp với QCVN 8:2019/BKHCN, KHÔNG tương đương với Tiêu chuẩn cơ sở của hãng; Đối với bình gas nhãn hiệu Siam, không lấy được mẫu giám định.

Quá trình điều tra xác định: Các công ty S3 như: Hoa Lư Petrol, V2, S1, Petro VietNam G, P3, Petrol Hồng H7, NB P, Thăng Long P, Siam G... đều xác nhận không thuê công ty T7, chiết gas. Đối với niêm màng niêm phong, tem chống hàng giả... được gắn đúng quy chuẩn lên các bình chứa gas thành phẩm, không bán riêng hay lưu hành riêng các bộ phận này ra thị trường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2023/HS-ST ngày 30/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 192, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Thị H 36 tháng tù, phạt bổ sung 30.000.000đồng sung quỹ Nhà nước về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả;

- Căn cứ điểm điểm a khoản 1 Điều 192, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn K 27 tháng tù về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả.

Ngoài ra bản án còn áp dụng pháp luật, tuyên bố tội danh, hình phạt đối với những bị cáo khác, tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Trong các ngày 04/10/2023 và 05/10/2023, bị cáo K và H kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo H được hưởng án treo; giảm một phần hình phạt cho bị cáo K, xử

phạt bị cáo K từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/7/2023. Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, các bị cáo bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét kháng cáo bổ sung của các bị cáo không vượt quá giới hạn xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những bị cáo khác tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 04/2022, Phạm Văn H1 và Bùi Thị H cùng bàn bạc, thống nhất sản xuất, buôn bán gas giả để bán kiếm lời. H tìm kiếm trên mạng xã hội đặt mua máy nén khí rồi lắp đặt thành hệ thống san chiết gas đặt tại thôn Q, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương và mua nhiều niêm màng co, tem chống hàng giả của nhiều nhãn hiệu gas, mua bàn cân, cân điện tử để phục vụ việc sản xuất gas giả. Sau đó, H1 và H mua các bình gas nhãn hiệu Vinashin loại 45kg tại Công ty TNHH K, địa chỉ tại xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương rồi thuê Bùi Văn Đ, Phạm Văn K, Phạm Tuấn K5 và Nguyễn Văn D làm công nhân thực hiện việc san chiết, dán niêm màng co, tem chống hàng giả và vận chuyển các bình gas san chiết đến bán cho các đại lý trong và ngoài tỉnh Hải Dương. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 05/2022 đến ngày 25/5/2022, H1, H, Đ, K, K5, D đã san chiết, bán các bình gas giả cho các đại lý như sau: Phạm Văn Đ1 mua và tự dán niêm màng co giả 71 bình gas tương đương giá trị hàng thật là 20.141.400 đồng. Đinh Văn N1 mua và tự dán niêm màng co 200 bình gas tương đương giá trị hàng thật là 75.000.000 đồng; Bán cho anh Phạm Văn C2 02 bình gas giả tương đương giá trị hàng thật là 559.200 đồng; Bán cho ông Nguyễn Thành T4 26 bình gas giả tương đương giá trị hàng thật là 11.558.508 đồng; Bán cho ông Nguyễn Bá K4 04 bình gas giả tương đương giá trị hàng thật là 1.118.400 đồng; Bán cho ông Trần Đức H5 04 bình gas giả tương đương giá trị hàng thật là 1.504.626 đồng; Bán cho bà Phạm Thị T5 13 bình gas giả tương đương giá trị hàng thật là 3.634.800 đồng. Tổng số lượng hàng giả là 320 bình gas các nhãn hiệu tương đương với số lượng của hàng thật trị giá là 113.516.934 đồng, trong đó K vận chuyển và bán cho các đại lý gas giả với giá trị thật là 86.558.508 đồng. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H, K về tội Sản xuất, buôn bán hàng giả theo điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Về tội danh các bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Bị cáo H cùng bị cáo H1 thành lập Công ty T7; bị cáo H1 là Giám đốc chỉ đạo việc sản xuất, buôn bán hàng giả; bị cáo H là Phó Giám đốc trực tiếp cùng các đồng phạm sản xuất và buôn bán hàng giả. Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính; bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương nên bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Với các tình tiết trên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình chứng cứ xác định bị cáo là phụ nữ có thai (hiện mang thai gần 07 tháng); bị cáo tự nguyện nộp toàn bộ tiền phạt và tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Xét bị cáo có nhân thân tốt, bản thân bị cáo là phụ nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Việc giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[3.2] Bị cáo K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình tố tụng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tác động để gia đình nộp trước tiền án phí sơ thẩm; gia đình bị cáo xuất trình tài liệu xác định bị cáo và thân nhân tích cực tham gia ủng hộ công cuộc phòng chống dịch Covid -19 trên địa bàn nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo là đồng phạm thực hành, trực tiếp sản xuất, buôn bán số lượng hàng giả ít nhất trong nhóm đồng phạm. Tại cấp phúc thẩm có tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử chiếu cô giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo bị bắt tạm giam do vi phạm quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và cấm xuất cảnh. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo đề nghị được hưởng án treo của bị cáo.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Bùi Thị H và Phạm Văn K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với Bùi Thị H và Phạm Văn K.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192, điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 192, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 17/7/2023.

2. Về án phí: Bị cáo Bùi Thị H, Phạm Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Bùi Thị H đã nộp 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng tiền phạt bổ sung và 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0002654 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Xác nhận bị cáo Phạm Văn K đã nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0002653 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 16/01/2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Gia Lộc (02);
- CQCSĐT - Công an huyện Gia Lộc;
- CQTHAHS - Công an huyện Gia Lộc;
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, THS.

Trần Hữu Hiệu